



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1547

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 10/03/2026 đến ngày 16/03/2026)

A/ THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

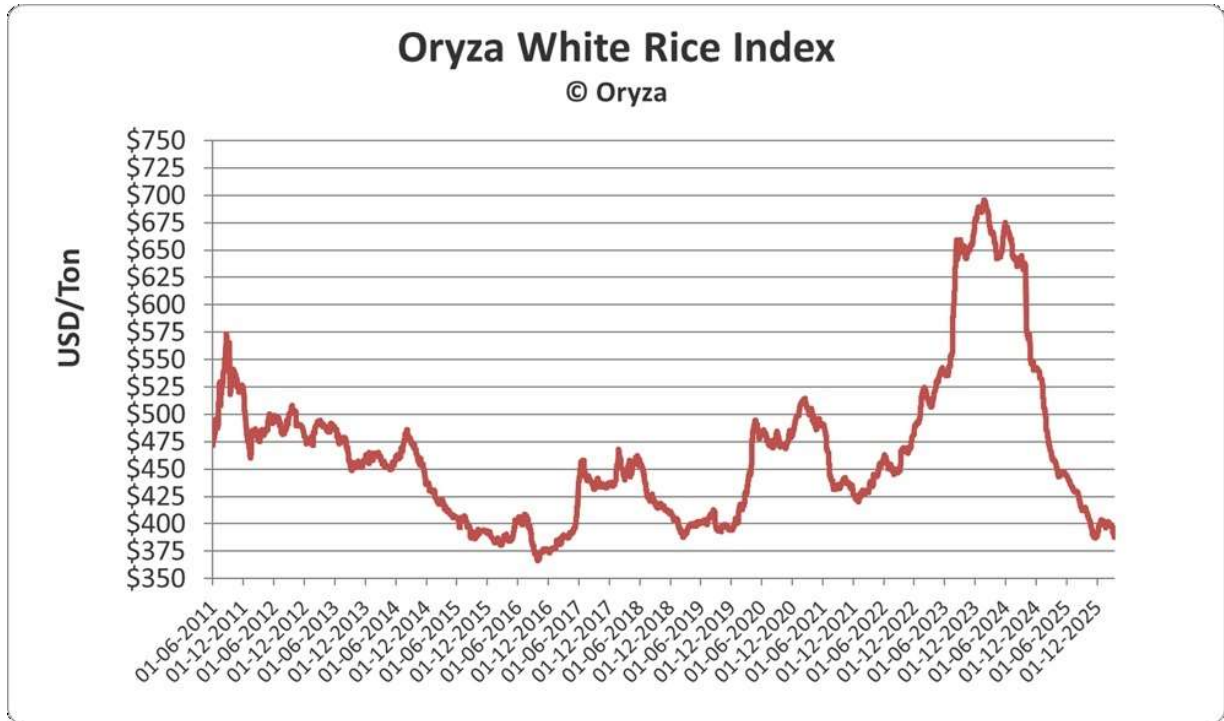
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	10 – 03		11 – 03		12 – 03		13 – 03	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	379	383	379	383	379	383	379	383
	5% tấm	371	375	371	375	371	375	371	375
	25% tấm	365	369	365	369	365	369	365	369
	Hom Mali 92%	1.107	1.111	1.107	1.111	1.107	1.111	1.107	1.111
	Gạo đỏ 100% Stxd	390	394	390	394	390	394	390	394
	A1 Super	357	361	357	361	357	361	357	361
VIỆT NAM	5% tấm	354	358	354	358	354	358	354	358
	25% tấm	335	339	335	339	335	339	335	339
	Gạo thơm 5% tấm	390	415	390	415	390	415	390	415
	Jasmine	424	428	424	428	424	428	424	428
	100% tấm	316	320	316	320	316	320	316	320
ẤN ĐỘ	5% tấm	346	350	346	350	346	350	346	350
	25% tấm	336	340	336	340	336	340	336	340
	Gạo đỏ 5% Stxd	349	353	349	353	349	353	349	353
	100% tấm Stxd	296	300	296	300	296	300	296	300
PAKISTAN	5% tấm	352	356	352	356	352	356	352	356
	25% tấm	331	335	331	335	331	335	331	335
	100% tấm Stxd	316	320	316	320	316	320	316	320
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	357	361	357	361	357	361	357	361
MỸ	4% tấm	544	548	544	548	544	548	544	548
	15% tấm (Sacked)	513	517	513	n/a	513	517	513	n/a
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	921	925	921	925	921	925	921	925

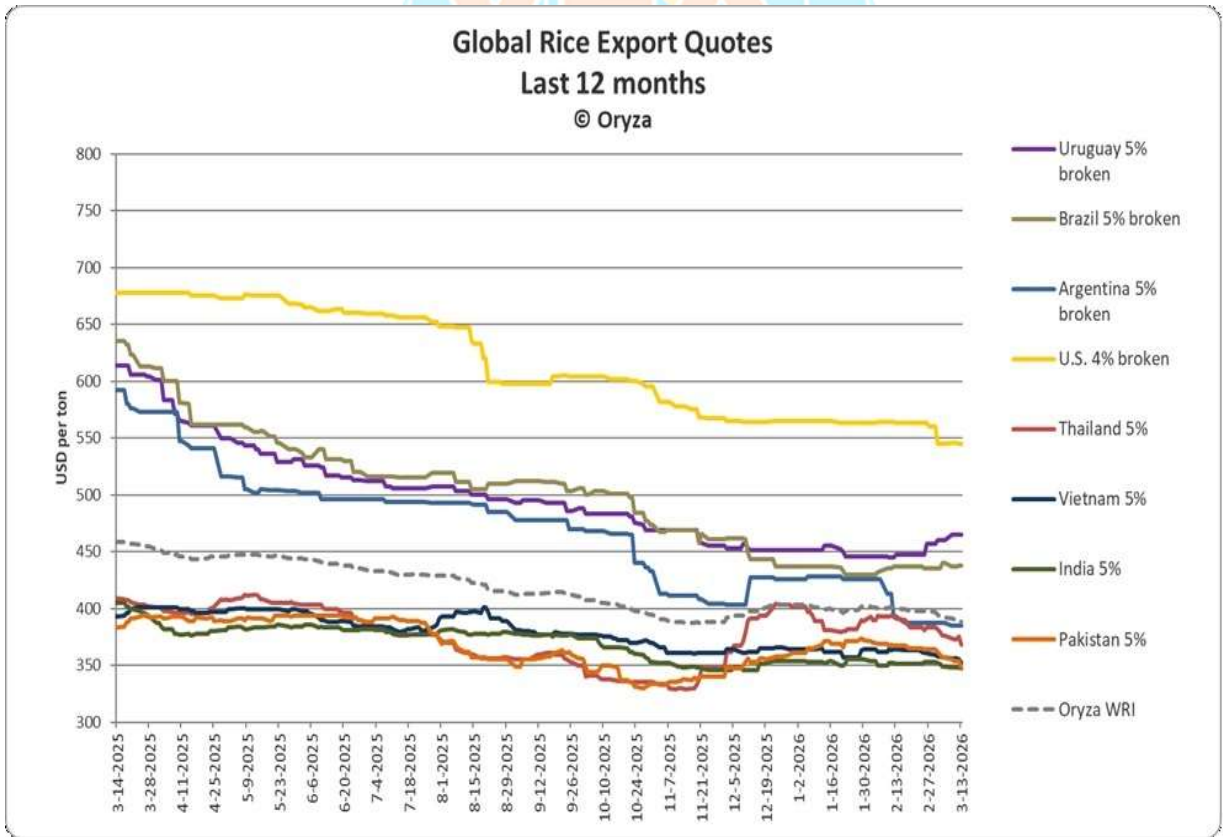
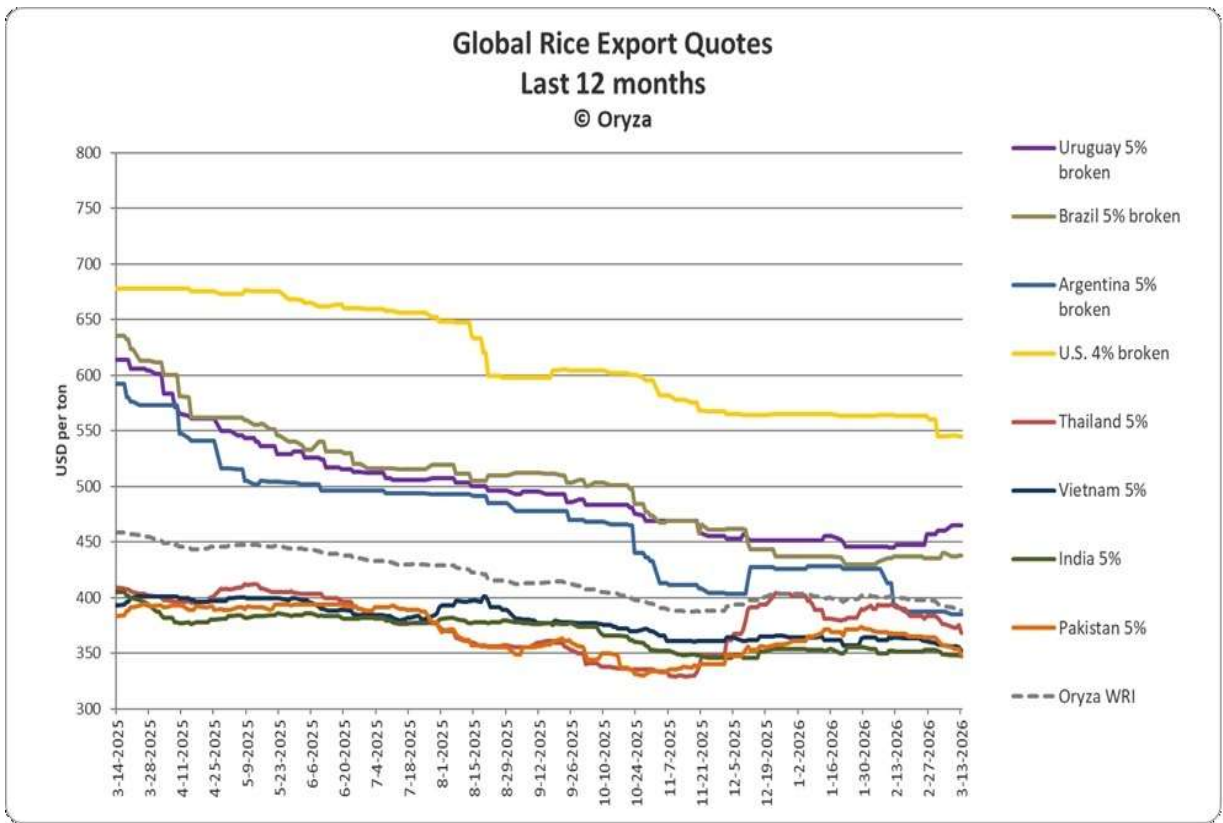
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

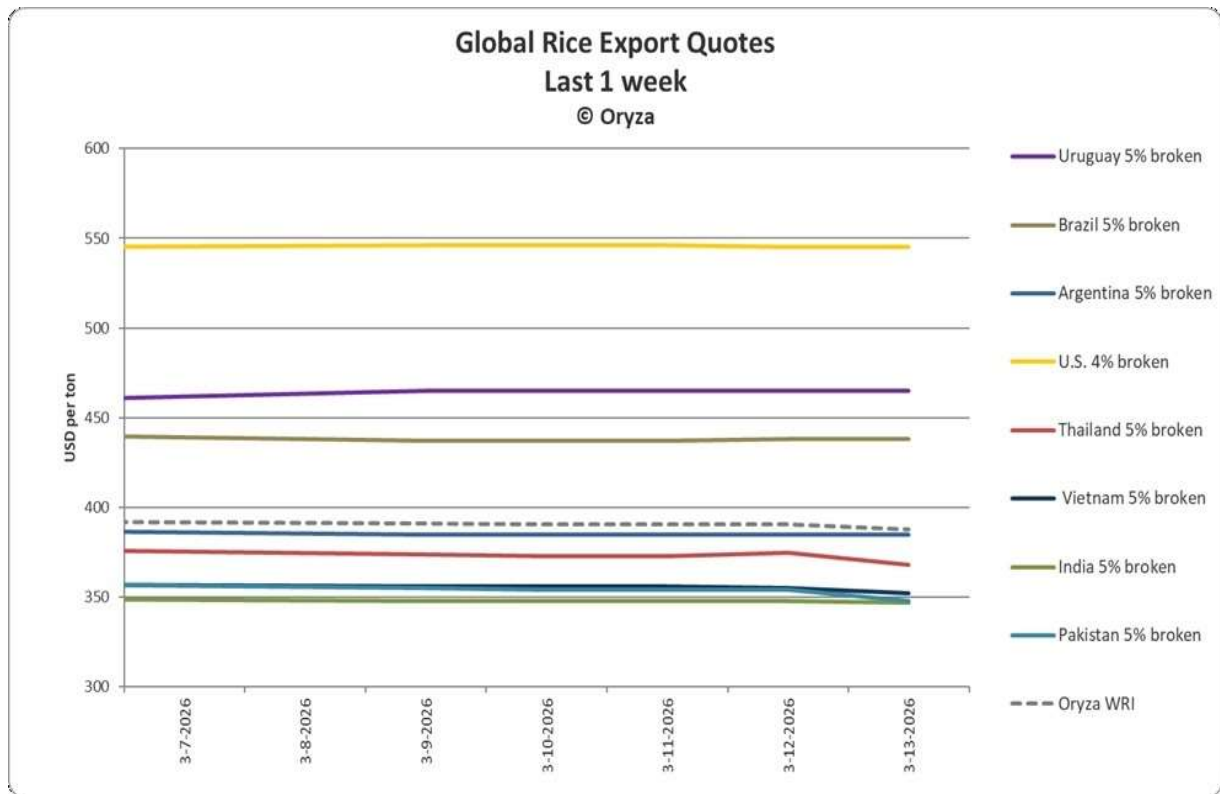
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 397 USD/tấn, không đổi so với tuần trước và giảm 1 USD/tấn so với tháng trước, và giảm 68 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Viludo, một công nghệ xử lý hạt giống lúa mới được giới thiệu bởi Farm Progress, đang cho thấy tiềm năng lớn trong việc giảm hiện tượng bạc lá do thuốc trừ cỏ và cải thiện sức khỏe tổng thể của cây trồng. Nông dân trồng lúa thường sử dụng các loại thuốc trừ cỏ như clomazone, pendimethalin và quinclorac để kiểm soát cỏ dại, nhưng các hóa chất này có thể gây hại cho cây bằng cách làm gián đoạn quá trình hình thành diệp lục. Viludo hoạt động như một chất “safener” xử lý hạt giống, giúp cây lúa chuyển hóa các thuốc trừ cỏ này hiệu quả hơn, từ đó giảm các tổn thương nhìn thấy và thúc đẩy sinh trưởng ban đầu mạnh mẽ hơn. Nghiên cứu cho thấy công nghệ này có thể giảm hiện tượng bạc lá khoảng 50%, tăng đáng kể sinh khối rễ và cải thiện sự phát triển tán lá, giúp cây lúa phát triển tốt hơn đối với các loại cỏ dại khó kiểm soát như cỏ lồng vực và cỏ lúa mạch Ý. Bằng cách giảm thiểu tổn thương cho cây trồng và cho phép sử dụng đầy đủ liều lượng thuốc trừ cỏ, Viludo có thể giúp nông dân duy trì năng suất, nâng cao hiệu quả quản lý cỏ dại và kiểm soát chi phí đầu vào đang gia tăng trong sản xuất lúa hiện đại.

Một nghiên cứu mới được Earth.com đưa tin cho thấy canh tác lúa hiện là một trong những nguồn phát thải khí nhà kính nông nghiệp lớn nhất toàn cầu, trong đó ruộng lúa ngập nước và đất than bùn bị thoát nước chiếm khoảng 70% tổng phát thải từ đất canh tác vào năm 2020. Trong tổng số khoảng 2,5 tỷ tấn CO₂ tương đương phát thải trong một năm, riêng lúa đã chiếm khoảng 43%, chủ yếu do khí methane phát sinh từ đất ngập nước thiếu oxy và khí nitơ oxy

phát sinh từ việc sử dụng phân bón với liều lượng cao. Do lúa là lương thực thiết yếu của hàng tỷ người, các nhà nghiên cứu nhấn mạnh rằng giải pháp cần tập trung vào quản lý nước hiệu quả hơn, sử dụng phân bón thông minh hơn và các biện pháp can thiệp có mục tiêu tại các khu vực phát thải cao, thay vì cắt giảm sản lượng.

Hệ thống Thông tin Lúa gạo Nhất quán phục vụ Chính sách Bền vững (CRISP) là một nền tảng lập bản đồ số dựa trên vệ tinh mới do Viện Nghiên cứu Lúa Quốc tế (IRRI) và các đối tác phát triển, cung cấp dữ liệu sản xuất lúa nhanh chóng, chính xác và nhất quán trên toàn cầu nhằm hỗ trợ khả năng chống chịu khí hậu và an ninh lương thực. Sử dụng dữ liệu quan sát Trái Đất từ các vệ tinh Sentinel-1 và Sentinel-2, hệ thống tạo ra bản đồ lúa theo mùa và ước tính năng suất, giúp cải thiện độ chi tiết theo khu vực và tính kịp thời, đặc biệt trong các điều kiện khí hậu cực đoan. Được xây dựng dựa trên công nghệ Hệ thống thông tin và bảo hiểm cây trồng dựa trên viễn thám cho các nền kinh tế mới nổi (RIICE) trước đây và đã thử nghiệm tại các vùng sản xuất lúa lớn như Andhra Pradesh, Luzon, Senegal, Nigeria và Kenya, CRISP đạt độ chính xác khoảng 87% và trên 90% tại các khu vực có tưới tiêu tốt. Được hỗ trợ bởi Cơ quan Vũ trụ châu Âu và vận hành trên nền tảng điện toán đám mây, hệ thống này sẽ sớm được phổ biến rộng rãi, nhằm chuyển đổi dữ liệu vệ tinh phức tạp thành thông tin hữu ích cho các chính phủ, tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm và các nhà hoạch định chính sách trong ngành lúa gạo toàn cầu.

Các nhà khoa học đã phát hiện rằng hạt gạo thông thường có thể được biến thành vật liệu “thông minh” có khả năng thay đổi độ cứng tùy theo tốc độ chịu nén, mở ra tiềm năng ứng dụng trong robot mềm và thiết bị bảo hộ tiên tiến. Nghiên cứu cho thấy khi được nén nhanh, khối hạt gạo trở nên yếu hơn, nhưng khi bị nén chậm thì lại duy trì độ bền cao, đây là một hiện tượng hiếm gọi là “làm mềm theo tốc độ” (rate softening). Bằng cách kết hợp với các vật liệu có xu hướng cứng lại khi chịu tải nhanh, các nhà khoa học đã tạo ra một loại siêu vật liệu dạng hạt có thể tự động điều chỉnh độ cứng mà không cần điện tử hay cảm biến. Thiết kế phản ứng theo tốc độ này có thể giúp tạo ra các robot nhẹ, an toàn hơn, có khả năng thích ứng độ cứng khi di chuyển hoặc va chạm, phù hợp cho việc tương tác với con người, làm việc trong môi trường khắc nghiệt hoặc thậm chí trong các ứng dụng phẫu thuật tinh vi, đồng thời hỗ trợ phát triển các thiết bị bảo hộ thế hệ mới hấp thụ lực va đập hiệu quả hơn.

Một nghiên cứu gần đây của các nhà khoa học tại Đại học Khoa học Thủy sản và Đại dương Kerala (KUFOS), được The Times of India đưa tin, cho thấy gạo basmati có thể hỗ trợ cải thiện sức khỏe chuyển hóa nếu được xử lý bằng các phương pháp cụ thể. Nghiên cứu phát hiện rằng việc cho hạt gạo basmati

nảy mầm trước khi hấp có thể làm giảm đáng kể chỉ số đường huyết bằng cách thay đổi cấu trúc tinh bột, giúp quá trình tiêu hóa diễn ra chậm hơn và hạn chế sự tăng nhanh của đường huyết. Theo các nhà nghiên cứu, quy trình này có thể giúp gạo basmati trở thành nguồn carbohydrate lành mạnh hơn, đặc biệt đối với những người có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường hoặc rối loạn chuyển hóa. Nghiên cứu cũng ghi nhận rằng phương pháp xử lý này không ảnh hưởng đáng kể đến hương vị và kết cấu của gạo, vẫn giữ được sự hấp dẫn đối với người tiêu dùng. Các nhà khoa học đặc biệt nhấn mạnh giống **Pusa Basmati 1121** - một giống phổ biến được phát triển tại Ấn Độ, với chất lượng nấu ăn tốt, năng suất cao và chỉ số GI tương đối thấp so với nhiều loại gạo khác. Nhìn chung, các kết quả cho thấy các phương pháp chế biến cải tiến có thể nâng cao giá trị dinh dưỡng của gạo basmati mà vẫn bảo toàn các đặc tính ẩm thực mong muốn.

Philippines

Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) đã vượt chỉ tiêu doanh thu trong phiên đấu giá gạo tồn kho cũ ngày 20/02/2026, thu về 936,5 triệu peso, cao hơn mức dự kiến 912,4 triệu peso, sau khi bán được gần 90% trong tổng số 32.500 tấn chào bán, theo Manila Times. Nhu cầu mạnh mẽ này giúp cơ quan giải phóng không gian kho chứa và tạo thêm nguồn tài chính để thu mua lúa trước vụ thu hoạch cao điểm tháng 4–5. Thông qua việc giải phóng tồn kho cũ và mở rộng sức chứa tồn kho, NFA hướng tới củng cố dự trữ quốc gia, hỗ trợ giá lúa tại ruộng và nâng cao khả năng bình ổn nguồn cung cũng như thị trường nội địa.

Malaysia:

Bộ Nông nghiệp và An ninh Lương thực Malaysia cho biết nước này hiện đang nắm giữ khoảng 1,09 triệu tấn gạo (tính đến ngày 03/02/2026), đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong 5,45 tháng trong trường hợp khẩn cấp như lũ lụt hoặc gián đoạn nguồn cung. Trong đó bao gồm 200.000 tấn dự trữ quốc gia và khoảng 889.000 tấn tồn kho thương mại, tạo thành nền tảng cho chiến lược an ninh lương thực tổng thể. Song song với dự trữ, chính phủ đang tăng cường khả năng phục hồi dài hạn thông qua các chính sách nông nghiệp và thực phẩm quốc gia - triển khai các dự án thí điểm nhằm tăng số vụ gieo trồng, nâng cấp hệ thống thủy lợi và quản lý nước, cũng như hỗ trợ tài chính cho nông dân bị ảnh hưởng bởi lũ lụt hoặc hạn hán, nhằm duy trì nguồn cung trong nước ổn định, đồng thời bảo đảm nhập khẩu đều đặn và dự trữ khẩn cấp vững chắc.

Chính phủ Malaysia đã quyết định nâng mức dự trữ gạo quốc gia lên tương đương tối đa 9 tháng tiêu dùng như một biện pháp phòng ngừa nhằm

đảm bảo an ninh lương thực trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị gia tăng, đặc biệt tại khu vực Tây Á, theo The Vibes. Bộ trưởng Nông nghiệp và An ninh Lương thực cho biết nội các đã phê duyệt quyết định này nhằm củng cố nguồn dự trữ và chuẩn bị cho các gián đoạn có thể xảy ra trong chuỗi cung ứng toàn cầu nếu xung đột kéo dài. Ông nhấn mạnh hiện không có tình trạng thiếu lương thực, và các mặt hàng thiết yếu như gạo, thịt gà, rau và trái cây vẫn được cung ứng đầy đủ. Nguồn cung các mặt hàng này dự kiến sẽ ổn định ít nhất đến tháng 5 hoặc tháng 6, bao gồm cả dịp lễ Hari Raya Aidilfitri. Trước đó, vào tháng 2, Malaysia có lượng dự trữ gạo đủ khoảng 5 tháng tiêu dùng, điều này có nghĩa là chính sách mới mở rộng đáng kể nguồn dự trữ lương thực của đất nước như một phần trong nỗ lực rộng lớn hơn nhằm tăng cường an ninh lương thực quốc gia và phòng ngừa những biến động trên thị trường toàn cầu.

Bangladesh

Bangladesh đã vượt xa mục tiêu thu mua lúa vụ Aman, đạt khoảng 1,02 triệu tấn so với mục tiêu ban đầu 700.000 tấn sau khi đưa ra mức giá cao hơn để thu hút các nhà xay xát và nông dân, theo The Financial Express. Kể từ khi chương trình bắt đầu ngày 20/11/2025, Tổng cục Lương thực đã thu mua 850.000 tấn gạo đỏ, 150.000 tấn lúa và 70.000 tấn gạo atap, vượt tất cả các mục tiêu—nâng tổng dự trữ lương thực công lên khoảng 2,1 triệu tấn, cùng với 810.000 tấn nhập khẩu. Trong khi giá gạo phẩm cấp thấp và trung bình ổn định, giá gạo thơm đã tăng thêm 10–15 taka/kg. Bộ Nông nghiệp dự báo sản lượng vụ Aman đạt kỷ lục 17,6 triệu tấn trong năm tài chính này.

Indonesia

Indonesia đã đồng ý nhập khẩu tối thiểu 1.000 tấn gạo từ Mỹ trong khuôn khổ thỏa thuận thương mại thực phẩm song phương trị giá 4,5 tỷ USD, mặc dù Tổng thống vẫn duy trì lập trường hạn chế nhập khẩu và khẳng định tự chủ về lúa gạo. Các quan chức nhấn mạnh rằng khối lượng nhập khẩu này là không đáng kể chỉ chiếm 0,00003% sản lượng dự kiến năm 2025 (34,69 triệu tấn) và sẽ không ảnh hưởng đến chính sách trong nước. Thỏa thuận cho phép Indonesia nhập khẩu gạo, lúa mì, đậu tương, ngô và trái cây từ Mỹ, đồng thời được hưởng ưu đãi thuế 0% cho 172 mặt hàng thực phẩm xuất khẩu như trái cây nhiệt đới, cà phê, gia vị và sản phẩm từ cọ. Thỏa thuận cũng có cơ chế bảo vệ Indonesia khỏi các chế tài nếu không đạt mục tiêu nhập khẩu, phản ánh sự đánh đổi chiến lược: nhập khẩu tối thiểu để mở rộng cơ hội xuất khẩu.

Indonesia cũng có kế hoạch xuất khẩu gạo sang Malaysia, Philippines và Papua New Guinea, theo Bloomberg và CNN dẫn lời Thứ trưởng Nông nghiệp. Trước đó, nước này đã xuất khẩu 2.280 tấn gạo sang Ả Rập Xê Út nhằm phục

vụ nhu cầu của người hành hương. Indonesia có tiềm năng xuất khẩu từ 20.000 đến 50.000 tấn gạo, cho thấy định hướng từng bước tái gia nhập thị trường gạo khu vực khi sản xuất trong nước được cải thiện.

Hàn Quốc

Giá sản xuất tại Hàn Quốc đã tăng tháng thứ năm liên tiếp trong tháng 1, chủ yếu do chi phí nông nghiệp tăng, đặc biệt giá gạo tăng mạnh 22%, theo The Chosun Daily. Chỉ số giá sản xuất tăng 0,6% so với tháng trước và 1,9% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh áp lực chi phí trên diện rộng ở nhiều lĩnh vực. Giá nông sản tăng và nguồn cung thắt chặt đang đẩy giá lương thực lên cao, báo hiệu lạm phát thực phẩm tiêu dùng có thể tăng trong thời gian tới.

Tiêu thụ gạo bình quân đầu người tại Hàn Quốc giảm hơn 3% trong năm 2025 xuống mức thấp kỷ lục khoảng 53,9 kg/người, tiếp tục xu hướng giảm dài hạn do thay đổi thói quen ăn uống sang bánh mì, mì và các thực phẩm thay thế. Điều này phản ánh các vấn đề cơ cấu của ngành lúa gạo như dư cung kéo dài và nhu cầu cải cách chính sách.

Hàn Quốc đã triển khai chương trình trợ cấp trực tiếp chuyển đổi cây trồng chiến lược, hỗ trợ tới 5,5 triệu won/ha cho nông dân chuyển đất lúa sang cây trồng khác như lúa mì, đậu tương và cây thức ăn chăn nuôi nhằm giảm dư cung và đa dạng hóa sản xuất. Tuy nhiên, các biện pháp can thiệp thị trường vẫn có thể gây méo mó cung cầu và duy trì giá nội địa cao hơn giá thế giới.

Ngoài ra, sáng kiến tác phát triển nông nghiệp do Hàn Quốc khởi xướng (K-Ricebelt) nhằm hỗ trợ an ninh lương thực châu Phi đặt mục tiêu nâng sản lượng giống lúa lên hơn 11.000 tấn/năm vào năm 2027, hỗ trợ canh tác trên 223.000 ha và sản xuất 2,16 triệu tấn gạo, đủ nuôi khoảng 30 triệu người.

Giá gạo bán lẻ tại Hàn Quốc đã vượt 60.000 won/bao 20 kg (khoảng 40 USD), tăng khoảng 17% so với cùng kỳ. Chính phủ đã mở rộng chương trình trợ giá và xả kho dự trữ để bình ổn thị trường.

Nhật Bản

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) sẽ nhập khẩu 1.395 tấn gạo thông qua cơ chế đấu thầu SBS trong khuôn khổ CPTPP vào ngày 10/03/2026. Đây là phiên đấu thầu thứ 6 trong niên vụ 2025/26.

Nhập khẩu gạo khu vực tư nhân tăng mạnh trong tháng 1 do giá nội địa cao, đạt hơn 4.900 tấn—gấp gần 12 lần cùng kỳ—chủ yếu từ Mỹ, Thái Lan và Việt Nam. Dù chịu thuế cao (341 yên/kg), gạo nhập khẩu vẫn rẻ hơn gạo nội địa, cho thấy áp lực lạm phát mạnh.

Châu Mỹ La tinh

Uruguay, gạo 5% tám hiện được chào giá khoảng 457 USD/tấn, tăng khoảng 10 USD/tấn so với tuần trước.

Argentina, gạo 5% tám khoảng 387 USD/tấn, không đổi so với tuần trước.

Brazil, gạo 5% tám khoảng 435 USD/tấn, giảm khoảng 5 USD/tấn so với tuần trước.

Mỹ, gạo 4% tám hiện được chào giá khoảng 560 USD/tấn, giảm so với cùng kỳ năm ngoái.

Châu Âu

Nhập khẩu gạo EU giảm 12,5% xuống 560.215 tấn, trong khi xuất khẩu tăng 5,8%.

EU phân loại gạo là mặt hàng “nhạy cảm” trong thỏa thuận Mercosur, cho phép áp dụng cơ chế tự vệ.

Thuế nhập khẩu gạo bán xay có thể giảm từ 42,5 xuống 30 EUR/tấn.

Ngành lúa gạo EU đối mặt cạnh tranh từ nhập khẩu giá rẻ và chi phí sản xuất cao.

Châu Phi

Sản xuất lúa tại Kenya chịu áp lực do hạn hán nghiêm trọng ảnh hưởng đến hệ thống tưới Mwea, nguồn cung chính chiếm 70–80% sản lượng. Việc phân bổ nước bị hạn chế đã làm giảm sản lượng và trì hoãn gieo trồng, đẩy giá gạo tăng từ 160 lên 170 Ksh/kg. Tình trạng này đe dọa nguồn cung ngắn hạn và ổn định giá trong nước.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo 5% tám kết thúc tuần ở mức khoảng 353 USD/tấn, tăng 2 USD so với tuần trước, giảm khoảng 2 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 55 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn tin quốc tế cho biết Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Sản phẩm Thực phẩm Chế biến và Nông nghiệp (APEDA) trực thuộc Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, đã hỗ trợ lô xuất khẩu đầu tiên gồm 25 tấn gạo Joha được bảo hộ chỉ dẫn địa lý (GI) từ bang Assam sang United Kingdom và Italy vào ngày 12/03/2026, đánh dấu một cột mốc mới cho xuất khẩu các loại gạo đặc sản của nước này. Nước này cho biết việc mở rộng xuất khẩu các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý như gạo Joha có thể giúp tăng cường liên kết thị trường, cải thiện giá bán và nâng cao thu nhập cho nông dân trong khu vực.

Thái Lan

Giá gạo 5% tám kết thúc tuần ở mức khoảng 383 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, tăng khoảng 1 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 33 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu gạo sang Trung Đông đã chững lại khi xung đột chính trị giữa Mỹ, Israel - Iran leo thang, làm gián đoạn các tuyến vận chuyển và tăng chi phí đối với các nhà xuất khẩu và nông dân. Theo nguồn tin từ Hiệp hội Các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA), hai tàu chở gạo khoảng 80 ngàn tấn dự kiến xuất khẩu sang Iraq đã phải dừng lại tại cảng Bangkok sau khi bên mua yêu cầu dỡ hàng khỏi container và đưa trở lại kho. Các thương nhân xuất khẩu đang đối mặt với phí bảo hiểm rủi ro chiến tranh, chi phí vận tải và giá nhiên liệu tăng mạnh, làm thu hẹp biên lợi nhuận.

Dự báo xuất khẩu gạo năm 2026 giảm khoảng 11%, xuống còn 7 triệu tấn do nhu cầu từ các thị trường tiêu thụ chính giảm và tỷ giá đồng bath Thái mạnh hơn so với đồng USD.

Pakistan

Giá gạo 5% tám kết thúc tuần ở mức khoảng 364 USD/tấn, giảm khoảng 1 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 7 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 20 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Cục Thống kê Pakistan, lượng gạo xuất khẩu gạo trong tháng 02/2026 ước đạt 361 ngàn tấn, giảm khoảng 32% so với thời điểm tháng 02/2025. Lũy kế xuất khẩu gạo 2 tháng đầu năm 2026 ước đạt 976 ngàn tấn, giảm 10,66% so với cùng kỳ 2025. Các thương nhân xuất khẩu đang mở rộng và đa dạng hóa thị trường như Trung Quốc, Đông Nam Á và châu Phi nhằm giảm phụ thuộc vào các thị trường truyền thống như Trung Đông và châu Âu. Thị trường cho biết ngành lúa gạo nước này cũng đang đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu lớn.

Nguồn tin cho biết Qatar dự kiến tăng nhập khẩu gạo từ Pakistan nhằm đảm bảo nguồn cung lương thực ổn định. Mặc dù động thái này có thể củng cố quan hệ thương mại song phương và mở rộng sự hiện diện của Pakistan tại thị trường vùng Vịnh, các chuyên gia cho rằng việc tăng nhanh xuất khẩu có thể làm thắt chặt nguồn cung gạo trong nước và đẩy giá nội địa tăng cao. Việc mở rộng sản xuất gạo để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu gia tăng có thể làm gia tăng áp lực lên nguồn nước, do lúa gạo là loại cây trồng tiêu tốn nhiều nước.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	10 - 03	11 - 03	12 - 03	13 - 03	16 - 03
Trung Quốc (CNY/USD)	6,91	6,87	6,87	6,87	6,90
Châu Âu (EUR/USD)	0,86	0,86	0,86	0,87	0,88
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16.932,61	16.838,39	16.877,53	16.902,87	16.939,74
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	3,96	3,92	3,92	3,93	3,94
Philippines Peso (PHP/USD)	59,40	58,92	59,19	59,44	59,75
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.477,95	1.465,35	1.475,07	1.491,45	1.499,08
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	158,02	157,63	158,81	159,15	159,72
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	92,15	91,85	92,21	92,39	92,52
Miền Điện (MMK/USD)	2.099,94	2.099,44	2.100,02	2.099,19	2.099,64
Pakistan Rupees (PKR/USD)	280,44	279,52	279,40	279,51	279,69
Thái Lan Baht (THB/USD)	32,00	31,46	31,82	32,11	32,29
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.282,52	26.173,74	26.244,93	26.269,73	26.256,56

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

*** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 16/03/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Đông Xuân 2025-2026 đã xuống giống được 1,238 triệu ha đã đạt 98,16% diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được khoảng 465 ngàn tấn với năng suất khoảng 66,87 tạ/ha, sản lượng ước đạt 3,1 triệu tấn lúa.

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống sớm với diện tích 120 ngàn ha/1,243 triệu ha đạt chiếm tỷ lệ 9,5% diện tích kế hoạch.

II. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/03 – 16/03/2026 có 42 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 284.600 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Hòa Bình 79	Mỹ Thới	17/02/2026	7.000	Philippines
2	Sunrise 69	HCM	20/02/2026	6.450	Philippines

Bản tin 1547 (Từ Ngày 10/03/2026 Đến Ngày 16/03/2026)

3	Hòa Bình 09	HCM	22/02/2026	6.480	Philippines
4	Thái Bình 39	HCM	28/02/2026	4.800	Philippines
5	Green Pacific	HCM	01/03/2026	4.000	Philippines
6	Hồng Lĩnh 01	HCM	01/03/2026	12.500	Philippines
7	MD Sky	HCM	02/03/2026	12.500	Philippines
8	Oriental Bay	HCM	02/03/2026	4.900	Philippines
9	DTS Victory	HCM	03/03/2026	6.800	Philippines
10	Minh Trường 18	HCM	03/03/2026	5.000	Philippines
11	Hải Âu 38	HCM	04/03/2026	4.900	Philippines
12	Hòa Bình 54	HCM	04/03/2026	4.900	Philippines
13	Hoàng Triều 69	HCM	04/03/2026	5.000	Philippines
14	Nam Phát Star	Mỹ Thới	04/03/2026	2.800	Philippines
15	Thái Bình 38	HCM	04/03/2026	5.000	Philippines
16	Hòa Bình 79	HCM	05/03/2026	7.400	Philippines
17	BMC Alpha	HCM	06/03/2026	7.500	Philippines
18	Minh Anh 12	HCM	06/03/2026	8.000	Philippines
19	Sunshine Star	HCM	06/03/2026	4.750	Philippines
20	DTS Victory	HCM	07/03/2026	6.800	Philippines
21	Kiến Hưng	HCM	07/03/2026	3.400	Philippines
22	Lucky Star 6	HCM	07/03/2026	7.300	Philippines
23	Minh Tuấn 28	HCM	07/03/2026	3.000	Philippines
24	Quang Minh 6	HCM	07/03/2026	4.850	Malaysia
25	Tân An Honesty	HCM	08/03/2026	4.000	Philippines
26	Đại Tây Dương 25	HCM	09/03/2026	5.000	Philippines
27	Green Way	Mỹ Thới	09/03/2026	4.800	Philippines
28	Quang Minh 5	HCM	09/03/2026	4.800	Philippines
29	Royal 16	HCM	09/03/2026	5.000	Philippines
30	Tân An 03	HCM	09/03/2026	4.850	Philippines
31	Tân An Dynamic	HCM	09/03/2026	7.400	Philippines
32	Vinh 02	HCM	09/03/2026	4.900	Malaysia
33	VTV Sky	HCM	09/03/2026	6.000	Philippines
34	Limco Logger	HCM	10/03/2026	8.100	Philippines
35	Long Tân 99	HCM	10/03/2026	4.800	Philippines
36	Seagull 09	HCM	10/03/2026	4.900	Philippines
37	Hoàng Phương Lucky	HCM	11/03/2026	6.200	Philippines
38	Nasico Eagle	HCM	11/03/2026	6.200	Philippines
39	Gia Long	HCM	13/03/2026	7.300	Philippines
40	Hải Bình 16	HCM	13/03/2026	4.000	Philippines
41	Mekong Star	Mỹ Thới	13/03/2026	2.950	Philippines
42	Royal 18	Mỹ Thới	13/03/2026	5.000	Philippines
43	Tân An Endeavor	HCM	13/03/2026	4.850	Philippines

44	Vinh Quang Ocean	HCM	13/03/2026	4.850	Philippines
Tổng				309.330	



III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	12/03	+/-	12/03	+/-	12/03	+/-	12/03	+/-	12/03	+/-	12/03	+/-	12/03	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng+																
Hạt dài	5.450	-100	5.550	-100	5.700	+50	5.650	+125	5.500	-150	5.700	-250	5.700	-250	5.700	5.607
Lúa thường	5.350	-	5.400	-50	5.450	+50	5.400	-25	5.325	-100	5.450	-	5.350	-100	5.450	5.389
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	6.850	-100	6.850	-100	6.985	-	6.900	-50	6.850	-			7.100	-250	7.100	6.923
Lúa thường	6.650	-100	6.650	-50	6.540	+110	6.650	-	6.650	-			6.550	-100	6.650	6.615
Gạo Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	7.850	-200	8.550	+200	8.650	+200	8.550	+250	8.625	+175			9.150	-	9.150	8.563
Lứt loại 2	7.750	-200	7.950	-150	7.850	+100	7.950	+100	7.825	-25	8.550	-100	8.550	-100	8.550	8.061
Xát trắng loại 1			9.150	-100			9.050	-125	9.225	+75	9.650	-100	9.650	-100	9.650	9.345
Xát trắng loại 2			8.650	-50			8.525	-25	8.350	-100	9.050	-200	9.050	-200	9.050	8.725
Phụ Phẩm																
Tám 1/2	7.550	+200	7.750	-	7.550	-	7.625	-	7.675	+100	7.750	-	7.550	-100	7.750	7.636
Tám 2/3			7.650	-	7.550	-			7.675	+150			7.250	-100	7.675	7.531
Tám 3/4	7.450	+200	7.550	-	7.450	-									7.550	7.483
Cám xát	7.450	-500	7.850	-100	7.900	+100	8.050	+100	7.950	-50	8.050	+50	7.850	+100	8.050	7.871
Cám lau	7.750	-200	7.750	-100	7.900	+100	7.750	-200	7.950	-50	8.000	-	7.950	+100	8.000	7.864
Gạo TPXK Không Bao Tại Man																
5%	8.800	-700	8.950	-50	8.500	+50	8.900	-50	8.900	-	8.950	-550	8.550	-200	8.950	8.793
10%			8.850	-50					8.700	-					8.850	8.775
15%	8.600	-700	8.750	-50	8.300	+50	8.700	-50	8.500	-	8.750	-550	8.250	-200	8.750	8.550
20%									8.200	-					8.200	8.200
25%	8.400	-700	8.150	-50	8.100	+50	8.450	-100	7.900	-	8.450	-650	7.950	-200	8.450	8.200
